

Ngày thi: 01/04/2015

STT	MSV	Họ và tên		Lớp	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP (%)										ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
					A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ		
					20		25							55	100		
1	1826617353	Nguyễn Thị Kim	Thu	D18XDD1B	10		8						8	8.4	Tám phẩy Bốn		
2	1827617327	Phạm Bá	Thắng	D18XDD1B	10		8.5						9	9.1	Chín phẩy Một		
3	1827617333	Huỳnh Đức Hoàng	Hải	D18XDD1B	9		7.5						9	8.6	Tám phẩy Sáu		
4	1827617336	Nguyễn Quốc	Ti	D18XDD1B	10		7.5						6.5	7.5	Bảy phẩy Năm		
5	1827617337	Nguyễn Quốc	Nhi	D18XDD1B	10		5						5.5	6.3	Sáu phẩy Ba		
6	1827617338	Lê Anh	Tùng	D18XDD1B	9		7.5						7.5	7.8	Bảy phẩy Tám		
7	1827617340	Đỗ Đức	Thịnh	D18XDD1B	10		6.5						6	6.9	Sáu phẩy Chín		
8	1827617350	Đặng Thành	Phong	D18XDD1B	10		8.5						7.5	8.3	Tám phẩy Ba		
9	1827617358	Vũ Hữu	Ứng	D18XDD1B	9		8.5						7	7.8	Bảy phẩy Tám		
10	1827617359	Đặng Thành	Đạt	D18XDD1B	9		8						7	7.7	Bảy phẩy Bảy		
11	1827617367	Nguyễn Hoàng	Hà	D18XDD1B	10		7						8.5	8.4	Tám phẩy Bốn		
12	1827617369	Trần Văn	Dự	D18XDD1B	9		7						7.5	7.7	Bảy phẩy Bảy		
13	1827617370	Phan Đăng	Lâm	D18XDD1B	10		8.5						9	9.1	Chín phẩy Một		
14	1827617371	Nguyễn Công	Tú	D18XDD1B	10		8.5						7.5	8.3	Tám phẩy Ba		
15	1827617372	Trịnh Khánh	Dương	D18XDD1B	10		8						7.5	8.1	Tám phẩy Một		
16	1827617374	Văn Bá	Hùng	D18XDD1B	10		8						6	7.3	Bảy phẩy Ba		
17	1827617376	Hoàng Minh	Phương	D18XDD1B	10		7.5						7.5	8.0	Tám		
18	1827617380	Huỳnh Văn	Cừ	D18XDD1B	10		7.5						8	8.3	Tám phẩy Ba		
19	1827617383	Nguyễn Như	Nguyên	D18XDD1B	10		8						7	7.9	Bảy phẩy Chín		
20	1827617385	Hoàng Việt	Hải	D18XDD1B	9		6.5						7	7.3	Bảy phẩy Ba		
21	1827617387	Nguyễn Đức	Duy	D18XDD1B	9		7						7	7.4	Bảy phẩy Bốn		
22	1827617395	Nguyễn Xuân	Hạnh	D18XDD1B	0		0						V	0.0	Không	NỘ HP	
23	1827617397	Thái Trương Duy	Minh	D18XDD1B	9		8.5						7.5	8.1	Tám phẩy Một		
24	1827617399	Nguyễn Đắc Kháng	Huy	D18XDD1B	10		8.5						9	9.1	Chín phẩy Một		
25	1827617400	Nguyễn Văn	Trung	D18XDD1B	10		8.5						7.5	8.3	Tám phẩy Ba		
26	1827617401	Kiều Quốc	Hung	D18XDD1B	9		6						8	7.7	Bảy phẩy Bảy		
27	1827617402	Nguyễn Nhật	Tân	D18XDD1B	7		8						8	7.8	Bảy phẩy Tám		
28	1827617410	Nguyễn Ngọc	Sơn	D18XDD1B	7		8						5.5	6.4	Sáu phẩy Bốn		
29	1827617414	Lương Anh	Tâm	D18XDD1B	9		8						6	7.1	Bảy phẩy Một		
30	1827617419	Nguyễn Văn	Quốc	D18XDD1B	10		8.5						8	8.5	Tám phẩy Năm		
31	1827617436	Phạm Văn	Phong	D18XDD1B	10		9.5						9.5	9.6	Chín phẩy Sáu		
32	1827617437	Lê Minh	Thanh	D18XDD1B	9		8						8.5	8.5	Tám phẩy Năm		
33	1827617441	Hoàng Đức	Lương	D18XDD1B	9		8.5						8.5	8.6	Tám phẩy Sáu		
34	1827617443	Nguyễn Văn	Phương	D18XDD1B	10		6						8	7.9	Bảy phẩy Chín		
35	1827617445	Nguyễn Văn	Tú	D18XDD1B	9		7						8.5	8.2	Tám phẩy Hai		
36	1827617447	Phạm Văn	Đông	D18XDD1B	10		8.5						6.5	7.7	Bảy phẩy Bảy		
37	1827617453	Trần Anh	Tuấn	D18XDD1B	9		8						7	7.7	Bảy phẩy Bảy		
38	1827617455	Phan Văn	Đáng	D18XDD1B	10		7						7	7.6	Bảy phẩy Sáu		
39	1826617412	Nguyễn Thị	Nhã	D18XDD2B	10		7.5						7	7.7	Bảy phẩy Bảy		
40	1827617325	Trần Việt	Toàn	D18XDD2B	8		6						8	7.5	Bảy phẩy Năm		
41	1827617326	Hà Minh	Hải	D18XDD2B	10		7.5						8	8.3	Tám phẩy Ba		
42	1827617328	Nguyễn Anh	Quân	D18XDD2B	10		8						6.5	7.6	Bảy phẩy Sáu		

Ngày thi: 01/04/2015

LẦN THI

STT	MSV	Họ và tên		Lớp	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP (%)										ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
					A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ		
					20		25						55	100			
43	1827617332	Trần Ngọc	Hoàng	D18XDD2B	10		7						7	7.6	Bảy phẩy Sáu		
44	1827617335	Nguyễn Phạm Ngọc	Pha	D18XDD2B	9		6						7	7.2	Bảy phẩy Hai		
45	1827617341	Võ Việt	Cường	D18XDD2B	7		7						7	7.0	Bảy		
46	1827617343	Nguyễn Ngọc	Hiếu	D18XDD2B	9		8						6	7.1	Bảy phẩy Một		
47	1827617344	Trần Minh	Toàn	D18XDD2B	9		6.5						7	7.3	Bảy phẩy Ba		
48	1827617355	Huỳnh	Chung	D18XDD2B	9		6.5						6.5	7.0	Bảy		
49	1827617362	Nguyễn Đăng Bảo	Lộc	D18XDD2B	9		7.5						6.5	7.3	Bảy phẩy Ba		
50	1827617365	Nguyễn Tiến	Danh	D18XDD2B	10		8						6	7.3	Bảy phẩy Ba		
51	1827617377	Võ Văn	Vũ	D18XDD2B	10		8.5						8	8.5	Tám phẩy Năm		
52	1827617381	Lê Quang	Kha	D18XDD2B	8		6						7	7.0	Bảy		
53	1827617388	Đặng Kim	Tới	D18XDD2B	10		6						6.5	7.1	Bảy phẩy Một		
54	1827617389	Bùi Văn	Quốc	D18XDD2B	9		6.5						7.5	7.6	Bảy phẩy Sáu		
55	1827617392	Đoàn Kim	Dung	D18XDD2B	9		8.5						5.5	7.0	Bảy		
56	1827617393	Lê Phước	Hải	D18XDD2B	10		6.5						5	6.4	Sáu phẩy Bốn		
57	1827617396	Nguyễn Xuân	Thức	D18XDD2B	9		7.5						5	6.4	Sáu phẩy Bốn		
58	1827617403	Nguyễn Hải	Hưng	D18XDD2B	10		6.5						5	6.4	Sáu phẩy Bốn		
59	1827617415	Châu Hiếu	Trung	D18XDD2B	9		6						4.5	5.8	Năm phẩy Tám		
60	1827617417	Lê Minh	Tuấn	D18XDD2B	8		6.5						6.5	6.8	Sáu phẩy Tám		
61	1827617418	Hoàng Nguyễn Xuân	Nam	D18XDD2B	10		8.5						7	8.0	Tám		
62	1827617421	Trần Văn	Mạnh	D18XDD2B	10		8						5	6.8	Sáu phẩy Tám		
63	1827617423	Trương	Sơn	D18XDD2B	10		7.5						4.5	6.4	Sáu phẩy Bốn		
64	1827617424	Đoàn Ngọc	Phước	D18XDD2B	10		8.5						6.5	7.7	Bảy phẩy Bảy		
65	1827617425	Nguyễn Hữu	Việt	D18XDD2B	9		6.5						8.5	8.1	Tám phẩy Một		
66	1827617426	Phạm Xuân	Thắng	D18XDD2B	10		7						7.5	7.9	Bảy phẩy Chín		
67	1827617430	Phan Chí	Lâm	D18XDD2B	10		8.5						7	8.0	Tám		
68	1827617433	Đoàn Lê Việt	Đức	D18XDD2B	10		8						7	7.9	Bảy phẩy Chín		
69	1827617439	Ngô Thanh	Đại	D18XDD2B	9		9						6	7.4	Bảy phẩy Bốn		
70	1827617448	Trần Minh	Toàn	D18XDD2B	10		6						6.5	7.1	Bảy phẩy Một		
71	1827617450	Nguyễn Hữu	Thọ	D18XDD2B	10		6.5						5.5	6.7	Sáu phẩy Bảy		
72	1827617451	Lê Thiện	Cường	D18XDD2B	10		7						6	7.1	Bảy phẩy Một		
73	1827617452	Trần Quốc	Lan	D18XDD2B	10		8						4	6.2	Sáu phẩy Hai		
74	1827617456	Huỳnh Văn	Lanh	D18XDD2B	10		6.5						6.5	7.2	Bảy phẩy Hai		
75	1827617324	Nguyễn Duy Anh	Minh	D18XDD3B	8		6						6	6.4	Sáu phẩy Bốn		
76	1827617331	Nguyễn Trần Thành	Đoàn	D18XDD3B	9		5						4	5.3	Năm phẩy Ba		
77	1827617334	Mai Hồng	Thịnh	D18XDD3B	9		7.5						7	7.5	Bảy phẩy Năm		
78	1827617339	Võ Nhật	Huy	D18XDD3B	7		7						7.5	7.3	Bảy phẩy Ba		
79	1827617342	Nguyễn Kiên	Tùng	D18XDD3B	8		8.5						4.5	6.2	Sáu phẩy Hai		
80	1827617345	Lê Hồng	Thanh	D18XDD3B	0		0						V	0.0	Không	NỢ HP	
81	1827617348	Nguyễn Văn	Lộc	D18XDD3B	10		6						8.5	8.2	Tám phẩy Hai		
82	1827617351	Bùi Việt	Tân	D18XDD3B	8		5						8	7.3	Bảy phẩy Ba		
83	1827617354	Phan Thái	Thụy	D18XDD3B	8		7.5						4	5.7	Năm phẩy Bảy		
84	1827617356	Đỗ Nguyễn	Lợi	D18XDD3B	7		6						6.5	6.5	Sáu phẩy Năm		

Ngày thi: 01/04/2015

STT	MSV	Họ và tên		Lớp	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP (%)										ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
					A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ		
					20		25						55	100			
85	1827617357	Võ Như Ý		D18XDD3B	9		8						4	6.0	Sáu		
86	1827617360	Nguyễn Văn Kiên Cường		D18XDD3B	10		5						6	6.6	Sáu phẩy Sáu		
87	1827617361	Nguyễn Văn Cường		D18XDD3B	10		8.5						5	6.9	Sáu phẩy Chín		
88	1827617363	Phan Nhật Vũ		D18XDD3B	8		6						6.5	6.7	Sáu phẩy Bảy		
89	1827617364	Nguyễn Công Thanh Tùng		D18XDD3B	9		5						4.5	5.5	Năm phẩy Năm		
90	1827617373	Trần Ngọc Đức Tâm		D18XDD3B	9		8.5						6.5	7.5	Bảy phẩy Năm		
91	1827617378	Đình Văn Tâm		D18XDD3B	9		7.5						7.5	7.8	Bảy phẩy Tám		
92	1827617382	Nguyễn Tấn Duy		D18XDD3B	9		6						6.5	6.9	Sáu phẩy Chín		
93	1827617390	Đình Như Hiếu		D18XDD3B	8		5						7.5	7.0	Bảy		
94	1827617391	Hà Xuân Ninh		D18XDD3B	5		6						6	5.8	Năm phẩy Tám		
95	1827617394	Ngô Hữu Khánh		D18XDD3B	10		7						5	6.5	Sáu phẩy Năm		
96	1827617404	Trần Anh Đào		D18XDD3B	6		6						7.5	6.8	Sáu phẩy Tám		
97	1827617405	Doãn Phước Thành		D18XDD3B	10		8						7	7.9	Bảy phẩy Chín		
98	1827617406	Lê Quang Thạnh		D18XDD3B	9		6						6.5	6.9	Sáu phẩy Chín		
99	1827617413	Hoàng Minh Dương		D18XDD3B	0		0						V	0.0	Không	NỢ HP	
100	1827617416	Cao Tấn Tài		D18XDD3B	8		5						4	5.1	Năm phẩy Một		
101	1827617432	Dương Văn Sáu		D18XDD3B	9		5						6.5	6.6	Sáu phẩy Sáu		
102	1827617434	Bùi Đức Hải		D18XDD3B	8		7						7	7.2	Bảy phẩy Hai		
103	1827617438	Nguyễn Quỳnh Trín		D18XDD3B	7		5						6	6.0	Sáu		
104	1827617440	Nguyễn Đức Thời		D18XDD3B	9		6						4	5.5	Năm phẩy Năm		
105	1827617442	Trần Văn Ngộ		D18XDD3B	9		7						4	5.8	Năm phẩy Tám		
106	1827617444	Trần Đình Công		D18XDD3B	9		8						4	6.0	Sáu		
107	1827617446	Trần Minh Xuân		D18XDD3B	9		5						4	5.3	Năm phẩy Ba		
108	1827617449	Lê Trọng Dương		D18XDD3B	6		7						6.5	6.5	Sáu phẩy Năm		
109	179213597	Nguyễn Văn Kiều		D18XDD3B	8		8						8.5	8.3	Tám phẩy Ba		
110	169211495	Dương Quốc Hoàng		D18XDD3B	0		0						V	0.0	Không	NỢ HP	
111	179213606	Trịnh Vũ Trung		D18XDD3B	0		0						V	0.0	Không		
1	162213279	Lưu Vũ Tấn Phong		K16XDD2	8		7						7.5	7.5	Bảy phẩy Năm	61404DT	

BẢNG THÔNG KÊ SỐ LIỆU

STT	NỘI DUNG THÔNG KÊ	SL	TỶ LỆ	GHI CHÚ
1	Số sinh viên đạt	107	96%	
2	Số sinh viên nợ	5	4%	
TỔNG CỘNG :		112	100%	

LẬP BẢNG

KIỂM TRA
(ký và ghi rõ họ tên)

LÃNH ĐẠO KHOA
(ký và ghi rõ họ tên)

Đà Nẵng, ngày 16 tháng 04 năm 2015
PHÒNG ĐÀO TẠO ĐH & SAU ĐH
(ký và ghi rõ họ tên)

Phan Thanh Tân

Trương Văn Tâm

ThS. Nguyễn Ân